

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 02/7/2021

V/v ly hôn giữa chị D và anh D1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông: Đinh Minh Tăng, ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: không

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST – HNGĐ ngày 09/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: chị Cao Thị D; sinh năm 198**

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

*2. Bị đơn: anh Cao Kế D1; sinh năm 198**

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2021 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị trình bày:

- về hôn nhân: chị D và anh D1 quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2010 tại UBND xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống không có tiếng nói chung,

không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh D1 là người chồng vũ phu, đánh đập chị D tàn nhẫn không những thế anh D1 còn quản lý tài chính của chị D, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nếu tiếp tục sống chung sẽ nguy hiểm cho tính mạng. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh D nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh D.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Linh Đ, sinh ngày 21/02/2013, Cao Khánh B, sinh ngày 14/02/2016 và Cao Kế D, sinh ngày 25/09/2018, hiện tại các con đang ở trong gia đình của anh D1, chị D, nguyện vọng của chị D là xin được nuôi dưỡng cháu B và cháu D, giao cháu Đ cho anh D1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh D1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đ.

Nghề nghiệp của chị D là giáo viên thu nhập hàng tháng là 10.600.000 đ, chị D cũng đã nộp bảng lương để chứng minh cho thu nhập của mình là đúng sự thật.

- tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án anh Cao Kế D trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị D có kết hôn và chung sống đúng như lời trình bày của chị D. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, do hai vợ chồng không chung sống được với nhau nên đồng ý ly hôn như ý kiến của chị D.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Linh Đ, sinh ngày 21/02/2013, Cao Khánh B, sinh ngày 14/02/2016 và Cao Kế D, sinh ngày 25/09/2018, hiện tại các con đang ở trong gia đình của anh D1, chị D, nguyện vọng của anh D1 là xin được nuôi dưỡng cháu Đ và cháu D, giao cháu B cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghề nghiệp của anh D1 là lao động tự do thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đ.

- tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải các bên đương sự đã thỏa thuận được các quan hệ về hôn nhân và tài sản chung và nợ chung, quan hệ con chung thì không thỏa thuận được.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2021 cháu Cao Linh Đ có mong muốn được ở với anh Dưỡng.

Tại phiên tòa:

Chị D: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong Tòa án giải quyết cho ly hôn, xin nuôi hai con là cháu B và D, cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu

Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng với lý do anh D là lao động tự do thu nhập không ổn định nên không thể chăm sóc hai con và đảm bảo điều kiện cho hai con học tập, phát triển các kỹ năng sống cho hai con. Chị là giáo viên thu nhập hàng tháng là 10.600.000 đ, chị đủ sức chăm sóc, nuôi dạy hai con và yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu D mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh D1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Anh D1: đồng ý ly hôn, về con chung: mặc dù là lao động tự do thu nhập thất thường nhưng anh vẫn đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Đ và cháu D, mong Hội đồng xét xử giao cháu Đ và cháu D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D1 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: anh và chị D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị D yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh D1, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn Cổ Liêm, xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh D1 kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị D: vợ chồng chị D và anh D1 không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh D1 cũng đồng ý ly hôn như ý kiến của chị D. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh D1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về quan hệ con chung: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Linh Đ, sinh ngày 21/02/2013, Cao Khánh B, sinh ngày 14/02/2016 và Cao Kế D, sinh ngày 25/09/2018, hiện tại các con đang ở trong gia đình của anh D1 và chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị D và anh D1 đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Kế D. Hiện tại anh D1 là lao động tự do thu nhập không ổn định mức thu nhập hàng tháng mà anh D1 trình bày là 10.000.000 đ nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh thu nhập hàng tháng của anh D1 là có căn cứ và đúng thực tế, chị D là giáo viên của Trường mầm non Tân Hóa có thu nhập ổn định chị D đã chứng minh thu nhập cá nhân của mình là đúng thực tế bằng bảng lương của Trường mầm non Tân Hóa, chị D cũng công tác gần nhà. Cháu Cao Kế D chưa đủ 03 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của mẹ. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu D theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao cháu D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật. Cháu Cao Khánh B theo sự thỏa thuận của chị D và anh D1 là giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Cao Linh Đ có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu buộc anh D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Cao Kế D mỗi tháng 3.000.000 đ của chị D: anh D1 là lao động tự do không có thu nhập ổn định, anh D1 còn phải nuôi dưỡng cháu Cao Linh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị D đề nghị là quá cao so với khả năng của anh D1 do đó căn cứ Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh D1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Cao Kế D mỗi tháng 1.000.000 đ cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Dậu và anh Dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị D và anh Cao Kế D1.

2. Về quan hệ con chung: giao 02 con chung là Cao Khánh B, sinh ngày 14/02/2016 và Cao Kế D, sinh ngày 25/09/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Linh Đ, sinh ngày 21/02/2013.

Anh Cao Kế D1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cao Kế D, sinh ngày 25/9/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị D và anh D1 tự thỏa thuận nên Tòa không xét.

4. Về án phí: chị Cao Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004432 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Cao Kế D1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/7/2021).

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa Hợp;
- các đương sự;
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

